

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày 31- 01- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Biên Hòa.

Thẩm phán: Bà Phùng Thị Ương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thụ.

Bà Vương Ánh Ngân.

Bà Hoàng Phương Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 và 31 tháng 01 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2017/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Phương H, sinh ngày 25 tháng 9 năm 1985 tại thành phố C.

Nơi cư trú: Xóm Q, xã Tr, huyện Đ, tỉnh Th; nghề nghiệp: Không nghề; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tr (sinh năm 1955) và bà La Thị Nh (sinh năm 1963); có chồng là Đinh Văn H1 sinh năm 1982 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: không; tiền sự: không; Hiện bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

2. Hoàng Quỳnh Nh, sinh ngày 29 tháng 7 năm 1989 tại huyện Ph, tỉnh Cao Bằng.

Nơi cư trú: Tổ A, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12PT; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Th (sinh năm 1959) và

bà Hoàng Thị H2 (sinh năm 1959); có chồng là Nguyễn Văn H3, sinh năm 1984 và 01 con sinh năm 2011; tiền án: không, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 6/9/2017 đến 14/9/2017 thay đổi biện pháp ngăn chặn, hiện nay đang tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

Bị hại:

- Lý Thị T; Sinh năm 1962.

Trú tại: Tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Đoàn Thị H4; Sinh năm 1964.

Trú tại: Tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Lý Thị Ch; Sinh năm 1970.

Trú tại: Xóm P, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cao Bằng. có mặt.

- Ngô Ngọc L; Sinh năm 1962.

Trú tại: Tổ F, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Trịnh Thị H5; Sinh năm 1963.

Trú tại: Tổ F1, phường S1, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Lý Thị A; Sinh năm 1971.

Trú tại: Xóm V, xã Ph1, huyện U, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

- Lý Thị B; Sinh năm 1967.

Trú tại: Xóm Kh, xã L, huyện H, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Lô Quang Th1; Sinh năm 1966.

Trú tại: Xóm L1, xã B1, huyện H, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Hà Thị L1; Sinh năm 1989.

Trú tại: Xóm P1, xã Tr1, huyện H1, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Nông Thị Y; Sinh năm 1961.

Trú tại: Tổ I, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- Hà Thị H6; Sinh năm 1960.

Trú tại: Tổ I2, khu Q2, thị trấn N, huyện H, Cao Bằng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Hoàng Thị T1; Sinh năm 1967.

Trú tại: Xóm Kh1, thị trấn T, huyện Ph, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bào chữa: Luật sư Hoàng Minh Ngọc thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Đình, Đoàn luật sư tỉnh Cao Bằng bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phương H theo chỉ định của Tòa án; có mặt.

Người làm chứng:

- Hoàng Trường H7; Sinh năm 1982; vắng mặt
- Triệu Thị H8; Sinh năm 1985; vắng mặt
- Lê Thị H9; Sinh năm 1975; vắng mặt
- Hoàng Thị L2; sinh năm 1969; vắng mặt.
- Đàm Thị Y2; Sinh năm 1985; vắng mặt.
- Hoàng Khánh L3 (đã chết).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Từ tháng 8 năm 2012 đến tháng 9 năm 2014 mượn danh nghĩa là cán bộ Phòng tài nguyên và môi trường huyện Ph, tỉnh Cao Bằng, Nguyễn Phương H sinh năm 1985 trú tại xóm Q, xã Tr, huyện Đ, tỉnh Th tự giới thiệu mình có quen biết nhiều người ở các cơ quan Nhà nước có thể xin được việc làm, xin đi học các trường chuyên nghiệp nếu ai có nhu cầu, cụ thể như sau:

Lần 1: Tháng 8/2012, chị Sầm Thị B1 trú tại: tổ F2, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, là cán bộ y tế phường S1 có tham gia dự thi lên bậc Đại học tại trường Đại học y tỉnh Th hệ chuyên tu nhưng không trúng tuyển, lúc này chị B1 có nói chuyện với chị Triệu Thị H9 sinh năm 1985, trú tại tổ F3, phường T1, thành phố C là người cùng làm việc với chị B1 tại y tế phường S1, chị H9 nói với chị B1 là có người bạn tên Nguyễn Phương H có quan hệ quen biết nhiều người có thể chạy cho chị B1 đi học lớp bổ sung Đại học y chuyên tu được. Sau đó, H9 và H có đến nhà chị B1, qua nói chuyện, H nói sẽ xin cho chị B1 đi học lớp bổ sung chuyên tu Đại học y tỉnh Th với giá 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng). Chị B1 đồng ý và đưa trước cho H số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Nhưng đến cuối năm 2013, chị B1 vẫn không được đi học nên đã đòi lại số tiền đã đưa cho H, H đã trả lại toàn bộ số tiền đã nhận cho chị B1 nên chị B1 không yêu cầu gì đối với H.

Lần 2: Tháng 10/2012, nghe chị B1 và H9 nói Nguyễn Phương H có thể xin việc được cho nhiều người vào cơ quan Nhà nước. Vì muốn xin cho con trai vào làm ngành y tại tỉnh Cao Bằng nên chị Lý Thị T, trú tại: Tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng đã nhờ chị B1 (thời gian này chị B1 cũng đang chờ H xin cho B1 đi học) và H9 hẹn gặp H9 ở trạm y tế phường S1. Khi gặp H thì H có nói với chị T là “Nếu muốn xin vào ngành y thì để H xin cho. Bây giờ phải xin ngay và phải đưa ngay cho H số tiền là 185.000.000đ (Một trăm tám mươi

lăm triệu đồng)”. Chị T đồng ý nên ngày 01/11/2012 chị T đã lên nhà chị B1 để gặp H và đưa cho H số tiền là 185.000.000đ (Một trăm tám mươi lăm triệu đồng) và hồ sơ xin việc cho H, lúc đó có chị B1 và chị Lý Thị S chứng kiến việc H viết giấy nhận tiền với chị T. Khi nhận tiền, H có hứa hẹn với chị T là đầu năm 2013 con chị T sẽ được đi làm, nếu không được sẽ trả lại tiền. Nhưng sau đó con chị T không được đi làm, chị T có tìm H đòi lại tiền nhiều lần nhưng đến nay H vẫn chưa trả tiền cho chị T.

Lần 3: Khoảng tháng 9, tháng 10/2013, qua chị T giới thiệu, chị Đoàn Thị H4, trú tại: Tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng đã gặp và nhờ H xin việc cho hai con trai chị H4 vào làm việc trong cơ quan Nhà nước tại tỉnh Cao Bằng. Sau khi nói chuyện, H nói sẽ xin cho con chị H4 là Nguyễn Minh Đ vào làm kế toán, còn Nguyễn Minh Đ1 vào làm điện nước, với số tiền là 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Chị H4 đồng ý và đã đưa đủ số tiền cùng hồ sơ xin việc của hai con trai cho H theo yêu cầu của H. H nhận tiền và viết giấy nhận tiền với chị H4, cùng với sự chứng kiến của chị T (trong quá trình sửa nhà, chị H4 đã làm mất giấy nhận tiền mà H đã viết cho chị H4). Khi nhận tiền, H có hứa với chị H4 là cuối năm con chị H4 sẽ được đi làm. Nhưng sau đó, hai con chị H4 không được đi làm, chị H4 đã đòi lại tiền H nhiều lần nhưng đến nay H cũng không trả được cho chị H4.

Lần 4: Tháng 10/2013 cũng qua chị Lý Thị T giới thiệu, biết Nguyễn Phương H có thể xin được việc làm nên chị Lý Thị Ch, trú tại: Xóm P, thị trấn U, huyện U, Cao Bằng đã gặp H để đặt vấn đề xin việc cho con chị Ch. H đã nhận xin cho con chị Ch vào làm ở trạm xá xã Nh, huyện U, tỉnh Cao Bằng với giá là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Ngày 05/11/2013, Chị Ch đã đến cơ sở dịch vụ y tế của chị T để đưa cho H số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) như đã thỏa thuận. H nhận tiền và viết “Giấy cam kết xin việc” với chị Ch (có chị T chứng kiến), sau khi nhận tiền, H không xin đi làm được cho con chị Ch nên chị Ch đã gặp H để đòi lại tiền nhiều lần nhưng không được.

Lần 5: Tháng 10/2013, chị Ngô Ngọc L trú tại: Tổ F, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng đã được chị Lý Thị T giới thiệu Nguyễn Phương H có thể xin được việc làm nên chị L đã gặp và nhờ H xin việc cho con dâu chị L vào làm ngành y ở tỉnh Cao Bằng. H đã yêu cầu chị L đưa cho H số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) để H chạy việc cho con dâu chị L. Chị L đã đưa tiền cho H thành bốn lần, vào các ngày: Ngày 17/10/2013, tại nhà chị T, chị L đưa cho H số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), H đã nhận tiền và viết “Giấy nhận tiền cam kết xin việc” với chị L; Ngày 01/11/2013 và ngày 10/11/2013, tại cửa hàng dịch vụ của chị T, chị L đưa cho H số tiền lần lượt là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). H

đã nhận tiền và viết vào mặt sau “Giấy nhận tiền cam kết xin việc” với chị L trước đó. Ngày 03/5/2014, tại cửa hàng dịch vụ của chị T, chị L đưa cho H thêm số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng). H đã viết lại “Giấy vay tiền” với chị L với số tiền là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Các lần H nhận tiền trên đều có chị T chứng kiến. Nhưng sau khi nhận được tiền con chị L không được đi làm, chị L đã đòi lại tiền H nhiều lần nhưng không được.

Lần 6: Khoảng tháng 11/2013, chị Trịnh Thị H5, trú tại: Tổ F1, phường S1, thành phố C, tỉnh Cao Bằng được chị Lý Thị T giới thiệu là có biết người tên Nguyễn Phương H có thể xin được việc làm nên chị H5 cùng con gái là Hoàng Thị Lệ Ch1 đã đến gặp H tại cửa hàng dịch vụ y tế của chị T tại Km I, C1, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Khi nói chuyện, H đã nói với chị H5 là có thể xin cho con chị H5 vào làm tại Chi cục thuế thành phố C với giá là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng), chị H5 đồng ý với số tiền H yêu cầu nên đã chuyển khoản vào số tài khoản: 8312205067xxx, là tài khoản của H mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh thành phố C số tiền: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Đến ngày 13/11/2013, chị H5 cùng con gái đến cơ sở dịch vụ y tế của chị T để đưa cho H số tiền là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng), tại đây H đã viết “Giấy nhận tiền lo việc xin vào cục thuế C” với chị H5, có sự chứng kiến của chị T. H đã viết số tiền ghi trong giấy là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng). Nhưng sau khi nhận tiền, H không xin được việc cho con chị H5, chị H5 đã gặp H đòi lại tiền nhiều lần nhưng không được.

Lần 7: Cuối năm 2013, qua giới thiệu của chị T là Nguyễn Phương H có thể xin được việc làm ở cơ quan Nhà nước nên chị Lý Thị A, trú tại: Xón V, xã Ph, huyện U, Cao Bằng đã gặp nói chuyện với H để nhờ xin việc cho con trai. Tại nhà chị T, H đã nói với chị A là về nhà chuẩn bị số tiền 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng) đưa cho H, để H đi lo chạy việc cho con trai chị A. Ngày 17/10/2013, chị A đã đưa cho H số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) tại cửa hàng dịch vụ của chị T ở Km I, C1 thuộc phường S, thành phố C. Khi nhận tiền, H đã viết “Giấy nhận tiền cam kết xin việc” với chị A, có chị T là người chứng kiến. Sau khi nhận tiền, H có nói với chị A là bảo con trai chị A đi nộp hồ sơ vào Sở y tế để dự thi. H sẽ lo cho con trai chị A thi đỗ và được đi làm trong năm 2014. Đến ngày 05/11/2013, H lại yêu cầu chị A đưa đủ số tiền như đã thỏa thuận để H lo xin việc cho con trai chị A. Chị A đã đưa thêm cho H số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) như đã thỏa thuận tại nhà chị T. H nhận tiền và viết vào sau “Giấy nhận tiền cam kết xin việc” đã viết trước đó với chị A, cùng với sự chứng kiến của chị T. Nhưng sau đó, con chị A không thi đỗ và cũng không được đi làm. Chị A đã đòi H trả lại tiền nhiều lần nhưng không được.

Lần 8: Tháng 01/2014, chị Lý Thị B, trú tại: Xóm Kh, xã L, huyện H, tỉnh Cao Bằng thường xuyên gửi tiền tại Bưu điện huyện H, tỉnh Cao Bằng. Khi đến giao dịch tại Bưu điện huyện H chị B có gặp và quen biết với chị Hoàng Thị Kim D, trú tại: xóm 4 K, xã O, huyện H, tỉnh Cao Bằng, là nhân viên tại Bưu điện. Tại đây, do có nhu cầu xin việc cho con nên chị Lý Thị B có hỏi chị Hoàng Thị Kim D là: “Chị làm Nhà nước có quen biết ai có thể xin được việc cho con trai em không”. Chị D nói “em suốt ngày làm việc tại Bưu điện huyện cũng không quen biết ai có thể xin được việc”. Do chị B nhờ nên chị D có nói với chị B là: “em có cháu ruột là Hoàng Trường H7 làm việc tại Bệnh viện tỉnh Cao Bằng, để em hỏi xem nó có biết ai có thể xin được việc làm cho con chị không”. Sau đó, chị D có cho chị B số điện thoại của Hoàng Trường H7. Khi được chị D giới thiệu, chị B có liên lạc và gặp Hoàng Trường H7, trú tại: xóm 4K, xã O, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Qua nói chuyện, H7 có nói “Có biết cô T đang làm hồ sơ xin việc cho con, nếu muốn cháu đưa cô xuống gặp xin làm hồ sơ cùng với cô T”. Chị B đồng ý và H7 đã đưa chị B xuống gặp chị T tại trung tâm y tế thành phố C để hỏi về việc xin việc làm. Chị T có giới thiệu Nguyễn Phương H với chị B. Khi gặp nói chuyện với chị B tại trung tâm y tế thành phố C bị can H nói sẽ xin việc làm cho hai con chị B là T2 và T3 vào làm y tại huyện H với số tiền là 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Chị B đồng ý và đã đưa tiền cho bị can H hai lần vào ngày 17/01/2014 và ngày 20/01/2014 với số tiền lần lượt là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) và 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Khi giao tiền có Hoàng Trường H7 và Lý Thị T chứng kiến. Khi nhận tiền, bị can H có nói với chị B là khoảng tháng 8/2014 thì công chức xong hai con chị B sẽ được đi làm. Nếu không được bị can H sẽ trả lại tiền cho chị B. Nhưng đến nay bị can H không xin được việc cho các con chị B. Chị B đã đòi H trả lại tiền nhiều lần nhưng không được.

Lần 9: Trong năm 2014 được chị Lý Thị B giới thiệu, anh Lô Quang Th1, trú tại: Xóm L1, xã B1, huyện H, Cao Bằng đến gặp Nguyễn Phương H nhờ H xin việc cho con trai anh Th. H tự giới thiệu với anh Th có nhiều mối quan hệ với các cán bộ cấp tỉnh nên việc xin cho các cháu đi làm thì đơn giản nhưng phải mất một số tiền và nói anh Th phải đưa số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) cho H để xin cho con anh Th vào làm y tại huyện H1. Sau khi bàn bạc thống nhất, ngày 29/3/2014 anh Th đã đưa cho H số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và ngày 09/5/2014 đưa tiền cho H 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) tại nhà chị Lý Thị B và có chị B chứng kiến. Khi nhận tiền bị can H có viết giấy nhận tiền và nói trong năm 2014 con anh Th sẽ được đi làm. Nếu không được H sẽ trả lại tiền. Nhưng đến nay bị can H không xin được việc cho con anh Th cũng không trả lại tiền cho anh Th.

Lần 10: Khoảng tháng 01/2014, chị Lê Thị H10, trú tại tổ F4, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng là người làm cùng cơ quan với chị Lý Thị T. Qua

nói chuyện, chị H10 biết chị T đang nhờ H xin cho con chị T đi làm tại Bệnh viện tỉnh Cao Bằng. Chị H10 đã nhờ chị T hỏi H về việc chị H10 muốn xin cho cháu gái là Hà Thị L1 vào làm ngành y thì hết bao nhiêu tiền. Được chị H10 nhờ, chị T đã liên lạc trao đổi với H thì H cho biết “Có suất đi làm ở Trung tâm y tế huyện H1 với giá 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng)”, chị T đã nói lại cho chị H10 biết. chị H10 đã điện thoại cho L1 để hỏi L1 xem có “chạy” để đi làm không. L1 nói muốn “chạy” đi làm nhưng giờ không đủ tiền để trả hết ngay được. Qua chị H10, L1 biết H đã đồng ý cho đặt trước số tiền là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Ngày 22/02/2014, chị H10 cùng L1 và mẹ của L1 là Hoàng Thị L2 đã đến gặp Nguyễn Phương H tại nhà của chị T. Tại đây, chị Hoàng Thị L2 đã đưa cho H số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) như đã thỏa thuận từ trước. H nhận tiền và viết giấy nhận tiền với chị L2, cùng với sự chứng kiến của chị T, chị H10 và L1. Đồng thời, H đưa cho L1 một bộ hồ sơ để về làm. L1 cầm hồ sơ đó về làm nhưng hồ sơ đó không đúng với yêu cầu của Sở y tế nên L1 đã vứt đi và tự mua bộ hồ sơ ở Sở y tế về làm và nộp vào Sở y tế để dự thi. Đến gần ngày dự thi, H điện thoại cho L1 để lấy đủ số tiền. L1 nói với H sẽ đưa thêm 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) khi nào được đi làm sẽ đưa nốt số tiền còn thiếu. Ngày 26/4/2014, L1 đã đến nhà chị T để đưa cho H số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). H nhận tiền và đã viết vào mặt sau giấy nhận tiền mà H đã viết trước đó với mẹ L1 là: Đã nhận thêm số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với Hà Thị L1”. Nhưng sau khi dự thi ở Sở y tế, L1 không trúng tuyển và không được đi làm. L1 đã điện thoại cho H đòi lại tiền nhiều lần nhưng đến nay H vẫn chưa trả.

Lần 11: Ngày 28/02/2014, chị Nông Thị Y, trú tại: Tổ I, thị trấn N, huyện H, Cao Bằng được chị Lý Thị B giới thiệu Nguyễn Phương H, chị Y đã nhờ H xin việc cho con vào làm công chức xã. Bị can H đã hẹn gặp chị Y và chị B tại khu vực KmI, phường S, thành phố C. Khi gặp H đã nói với chị Y là muốn xin cho con vào làm ở xã thì phải đưa H số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Chị Y đồng ý nhưng khi đó chị Y chỉ mang theo số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nên chị Y đã đặt trước cho H số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và nói khi nào con chị Y có quyết định đi làm sẽ đưa nốt số tiền còn lại. H đồng ý nhận tiền rồi viết giấy nhận tiền với chị Y có chị B là người chứng kiến. Khi nhận tiền H đã nói với chị Y là sẽ xin cho con chị Y vào làm ở xã thuộc huyện H. Đến ngày 07/3/2014, H điện thoại cho chị Y nói chị Y phải đưa cho H số tiền còn thiếu là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) thì H mới lấy được quyết định đi làm cho con chị Y. Nghe thế, chị Y đã ra Ngân hàng nông nghiệp huyện H chuyển khoản cho H số tiền như H yêu cầu. Nhưng sau khi nhận được tiền, H không xin việc làm cho con chị Y mà tiêu sài vào mục đích cá nhân. Chị Y đòi nhiều lần nhưng H không trả được tiền cho chị Y.

Lần 12: Ngày 14/9/2014 được chị Lý Thị B giới thiệu, chị Hà Thị H6, trú tại: Tổ I2, khu Q2, thị trấn N, huyện H, Cao Bằng đến gặp Nguyễn Phương H nhờ H xin việc cho con trai vào làm tại cơ quan Nhà nước, cơ quan nào thiếu chỉ tiêu sẽ xin cho con trai chị H6 vào cơ quan đó và nói chị H6 phải đưa cho H số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng) để chị H xin việc cho. Chị H6 đã đưa số tiền trên cho H tại nhà chị Lý Thị B với sự chứng kiến của chị B, anh Lô Quang Th1 và chị Nông Thị Y. H nhận tiền và nói với chị H6 là trong tháng 12/2014 con chị H6 sẽ được đi làm. Nếu không được H sẽ trả lại tiền trước ngày 30/12/2014. Nhưng sau đó con chị H6 không được đi làm, chị H6 đòi H trả lại tiền nhiều lần nhưng không được nên đã làm đơn tố cáo H ra trước pháp luật.

Sau khi nhận tiền của các bị hại trên, Nguyễn Phương H đã đưa tiền cho chị Đàm Thị Y2, trú tại: Ph2, xã Ng, huyện H1, tỉnh Cao Bằng, số tiền là: 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) để nhờ chị Y xin cho chị B1, cháu L1; đưa cho chị Hoàng Khánh L3, trú tại: Tổ 10, phường Gi, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, số tiền gần 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) để xin việc cho con chị T, con chị A, con chị B, con anh Th1. Sau đó chị Y2, chị L3 không xin được cho ai nên đã trả lại toàn bộ số tiền đã nhận cho Nguyễn Phương H. Sau khi nhận lại tiền, Nguyễn Phương H không trả lại tiền cho các bị hại trên mà giữ lại chi tiêu cá nhân.

Quá trình điều tra cũng đã xác định, Nguyễn Phương H còn nhận tiền xin việc của chị Hoàng Thị T1 trú tại Kh1, thị trấn T, huyện Ph, tỉnh Cao Bằng để xin việc cho con chị T1 tên Lô Thị Thu L5 đi làm giáo viên, với số tiền 125.000.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) và nhận tiền của chị Hà Thị Th2 trú tại xóm L3, thị trấn T, huyện Ph, Cao Bằng số tiền 150 triệu đồng để xin cho con chị Th2 là Trương Quý Nh1 đi học trường Trung cấp Công an rồi đưa cho Hoàng Quỳnh Nh, trú tại: Tổ A, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, số tiền là: 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng).

Căn cứ lời khai của Nguyễn Phương H cùng các tài liệu chứng cứ thu thập được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng đã triệu tập đối tượng Hoàng Quỳnh Nh để điều tra làm rõ. Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Hoàng Quỳnh Nh khai nhận như sau:

Khoảng tháng 10, tháng 11 năm 2012, Hoàng Quỳnh Nh nghe mọi người nói và biết được Sở Giáo dục tỉnh Cao Bằng có nhận hồ sơ xét tuyển giáo viên đi làm. Lúc đó, Nh nghĩ nếu ai nhờ Nh chạy cho đi làm thì Nh nhận hồ sơ và tiền, sau đó Nh sẽ mang hồ sơ đi nộp nếu người đó trúng tuyển được đi làm thì Nh được tiền, nếu không sẽ trả lại tiền. Vì vậy, khi gặp Nguyễn Phương H thì Nh có nói với H là “Em có cửa chạy đi làm giáo viên, chị biết ai xin đi làm thì bảo em chạy cho”. Nh còn nói thêm “Chị yên tâm không được thì trả lại tiền ngay”. Nghe thế, H có nói “Để chị hỏi xem có ai không”, nghe Nh nói như vậy,

H biết chị họ H là Hoàng Thị T1, trú tại: Xóm Kh, thị trấn T, huyện Ph, tỉnh Cao Bằng có con gái tên là L5, vừa tốt nghiệp hệ trung cấp Trường Cao đẳng cộng đồng K muốn xin đi làm giáo viên. H đã đi gặp chị T1 để nói với chị T1 là có cửa chạy cho L5 đi làm giáo viên trong tỉnh Cao Bằng. Vì H có quan hệ họ hàng nên chị T1 đã tin tưởng nhờ H giúp chạy cho L5 đi làm giáo viên. Do vậy, H đã đi gặp Nh và nói có cháu L5 là con chị T1 vừa tốt nghiệp hệ trung cấp trường Cao đẳng cộng đồng K muốn xin đi làm giáo viên. Nh đồng ý và nói với chị H giá để xin đi làm cho L5 là 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng), Nh đã bảo chị H đưa hồ sơ xin việc của L5 cho Nh và đặt cọc trước số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Sau khi thỏa thuận thống nhất giá tiền với Nh, H đã gặp chị T1 và nói giá tiền để xin cho con chị T1 đi làm giáo viên là 125.000.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng). H đã yêu cầu chị T1 đưa tiền cùng hồ sơ xin việc cho H để H đi lo chạy việc cho con chị T1. Chị T1 đã đưa cho H số tiền là 125.000.000đ (Một trăm hai mươi năm triệu đồng) cùng hồ sơ xin việc của L5 theo như yêu cầu của H. Sau khi nhận tiền của chị T1, H đã đưa cho Nh số tiền đặt cọc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và hồ sơ xin việc của L5 theo yêu cầu. Nh đã mang hồ sơ xin việc của L5 đi nộp ở Sở Giáo dục nhưng không nộp được do quá hạn nên Nh mang hồ sơ của L5 về.

Trong thời gian đó, Nh cần một số tiền để kinh doanh nhưng không vay mượn ai được nên Nh đã điện thoại cho H nói “Hồ sơ xin việc của L5 đã được xét Nhưng họ yêu cầu đưa đủ tiền mới có quyết định đi làm”. H có nói “Chị chuyển khoản trước cho em 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) có quyết định sẽ đưa đủ tiền”. Nh đồng ý và cho H số tài khoản ngân hàng. H đã chuyển khoản tiền cho Nh theo số tài khoản Nh đưa, số tiền 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng) còn lại H giữ để chi tiêu cá nhân. Sau khi nhận được tiền của H, Nh đã không xin việc cho L5 mà mang số tiền trên để đầu tư kinh doanh dịch vụ du lịch nhưng thất bại. Sau khi con chị T1 không được đi làm, chị T1 đã đòi lại tiền từ H. H đã trả cho chị T1 số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). H cũng đã đi tìm Hoàng Quỳnh Nh để đòi lại tiền và Nh đã trả cho H số tiền là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

Ngoài ra Hoàng Quỳnh Nh còn khai nhận, cũng trong năm 2013 được nhận tiền của chị Lương Thị L6, trú tại: P2, thị trấn Th1, huyện Ph, tỉnh Cao Bằng số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) và nhận với Nguyễn Phương H số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) để xin cho con của chị Hà Thị Th2 ở xóm L3, thị trấn T, huyện Ph đi học trường Trung cấp Công an. Sau khi nhận tiền của chị Lương Thị L6 và Nguyễn Phương H với tổng số tiền đã nhận là 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Hoàng Quỳnh Nh đã đưa cho Ấu Vũ L7 trú tại thôn Đ2, xã Đ3, huyện Q4, tỉnh H8 số tiền là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), Nh giữ lại số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để chi tiêu cá nhân và tiền liên lạc. Nhưng sau

đó, con chị Lương Thị L6 và chị Hà Thị Th2 đều không được đi học. Nh và H đã cùng đi tìm gặp Âu Vũ L7 để đòi tiền nhưng không được. Không đòi được tiền L7, Nh bị chị L6 tìm gặp đòi tiền nhiều lần nên Nh đã trả dần cho chị L6 với tổng số tiền là 54.100.000đ (Năm mươi bốn triệu một trăm nghìn đồng). H đã nhận tiền từ các bị hại khác để trả cho chị Th2 số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), chị Th2 đã nhận lại được toàn bộ số tiền nên không có đề nghị gì đối với H và Nh.

Như vậy tổng số tiền Nguyễn Phương H đã chiếm đoạt của 12 bị hại là: 2.060.000.000đ (Hai tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng), trong đó H đã trả cho chị T1 với số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); Hoàng Quỳnh Nh đã chiếm đoạt của 01 bị hại (trường hợp con chị Hoàng Thị T1) được 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), trong đó Nh trả cho Nguyễn Phương H 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) và tự nguyện trả cho chị Hoàng Thị T1 số tiền 40.000.000,đ (Bốn mươi triệu đồng).

Hành vi của Nguyễn Phương H và Hoàng Quỳnh Nh đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo qui định tại Điều 139 của Bộ luật hình sự.

Bản Cáo trạng số 54/CTr-VKSCB -P2 ngày 22/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Nguyễn Phương H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; truy tố Hoàng Quỳnh Nh về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại phiên tòa, kiểm sát viên thay đổi nội dung cáo trạng không đề nghị truy tố đối với bị cáo H về hành vi lừa đảo số tiền 25.000.000,0đ (hai mươi lăm triệu đồng) đối với Sầm Thị B1.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Phương H, Hoàng Quỳnh Nh đều thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng, các bị cáo không có ý kiến gì bổ sung thêm.

Các bị hại có mặt tại phiên tòa gồm Lý Thị T, Lý Thị Ch, Ngô Ngọc L, Trịnh Thị H5, Lý Thị B, Lô Quang Th1, Hà Thị L1, Nông Thị Y đều công nhận nội dung của Cáo trạng và lời khai của các bị cáo là đúng sự thật. Vì tin tưởng các bị cáo và mong muốn con em mình có thể được đi làm nên các bị hại đã giao tiền cho bị cáo Nguyễn Phương H, bị cáo không thực hiện được lời hứa, các bị hại đã đòi tiền rất nhiều lần nhưng bị cáo chưa hoàn trả được đồng nào. Nay các bị hại yêu cầu bị cáo H phải bồi thường số tiền trên.

Các bị hại Đoàn Thị H4, Lý Thị A, Hà Thị H6, Hoàng Thị T1 vắng mặt tại phiên tòa, lời khai tại cơ quan điều tra đều phù hợp với lời khai của các bị cáo Nguyễn Phương H, Hoàng Quỳnh Nh về thời gian, địa điểm, về hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như bản cáo trạng và lời khai tại phiên tòa. Các bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường trả lại số tiền đã chiếm đoạt. Bị hại Hoàng Thị T1 yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 25.000.000đ; đối với bị cáo Nh đã bồi thường số tiền 50.000.000đ, không có yêu cầu gì thêm.

Người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa, lời khai tại cơ quan điều tra đều khai phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại về hành vi bị cáo H thực hiện.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Phương H, Hoàng Quỳnh Nh về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Phương H từ 19 đến 20 năm tù.

Áp dụng điểm e khoản 2 khoản Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt Hoàng Quỳnh Nh 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 48 đến 60 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Cần xử bị cáo H phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại. Đối với bị cáo Nh đã thực hiện việc bồi thường xong.

Người bào chữa cho bị cáo H: Nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng về hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo cũng do các bị hại có một phần lỗi, với cách suy nghĩ dùng tiền để chạy việc cho con em mình nên đã cố tình tiếp tay cho hành vi các bị cáo. Do vậy cần xử bị cáo mức án nhẹ hơn 20 năm tù mà Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo Nguyễn Phương H, nhất trí với ý kiến của người bào chữa, không có ý kiến gì bổ sung. Bị cáo Nguyễn Quỳnh Nh nhất trí với bản luận tội, không có ý kiến gì thêm.

Trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Về mặt khách quan của hành vi: Các bị cáo Nguyễn Phương H và Hoàng Quỳnh Nh dùng thủ đoạn gian dối, đưa thông tin không đúng sự thật, nói dối mọi người là bản thân có nhiều mối quan hệ quen biết với các lãnh đạo tại các cơ quan nhà nước có khả năng xin được việc làm cho những ai có nhu cầu nhưng phải mất chi phí. Bằng thủ đoạn gian dối đó, làm cho các bị hại tin tưởng nên đã giao tài sản (tiền) cho các bị cáo, các bị cáo đã chiếm đoạt số tiền của các bị hại sử dụng vào mục đích cá nhân. Cụ thể: Từ tháng 8/2012 đến tháng 9/2014, Nguyễn Phương H bằng thủ đoạn gian dối, bị cáo đã lừa được 12 trường hợp, chiếm đoạt được tổng số tiền là 2.060.000.000đ (Hai tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng) để sử dụng cho mục đích cá nhân, gồm:

- Bị hại Lý Thị T với số tiền 185.000.000đ (một trăm tám mươi lăm triệu đồng);
- Bị hại Đoàn Thị H4 với số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng);
- Bị hại Lý Thị Ch với số tiền 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng);
- Bị hại Ngô Ngọc L với số tiền 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng);
- Bị hại Trịnh Thị H5 với số tiền 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng);
- Bị hại Lý Thị A với số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng);
- Bị hại Lý Thị B với số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng);
- Bị hại Lô Quang Th1 với số tiền 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng);
- Bị hại Hà Thị L1 với số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng);
- Bị hại Nông Thị Y với số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng);

- Bị hại Hà Thị H6 với số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng);

- Bị hại Hoàng Thị T1 với số tiền 75.000.000đ (bảy mươi lăm triệu đồng);

Đối với Hoàng Quỳnh Nh đã chiếm đoạt của bị hại Hoàng Thị T1 số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để chi tiêu cho cá nhân.

Về mặt khách thể: Hành vi của các bị cáo Nguyễn Phương H, Hoàng Quỳnh Nh đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ.

Về mặt chủ quan: Trong vụ án này Hội đồng xét xử nhận định các bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với lỗi cố ý trực tiếp; các bị cáo nhận thức rõ các bị cáo không phải là người có chức năng thẩm quyền, việc xin đi làm, đi học phải do cơ quan, người có chức năng thẩm quyền và thực hiện theo quy định của Nhà nước về việc đào tạo, tuyển dụng. Các bị cáo đã cố tình có hành vi gian dối, trái pháp luật để nhằm mong muốn chiếm đoạt tài sản của các bị hại, nên đã đưa thông tin không đúng sự thật làm các bị hại tin tưởng giao tài sản (tiền) cho các bị cáo.

Về mặt chủ thể: Căn cứ vào quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự, các bị cáo Nguyễn Phương H và Hoàng Quỳnh Nh đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi. Do đó, các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội do mình gây ra.

Từ những phân tích trên đây, hành vi của các bị cáo Nguyễn Phương H và Hoàng Quỳnh Nh đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Lời khai của các bị cáo phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Phương H chiếm đoạt được của 12 bị hại là 2.060.000.000đ (hai tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng chẵn), do vậy hành vi bị cáo bị truy tố theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; Bị cáo Hoàng Quỳnh Nh chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng, do vậy hành vi bị cáo bị truy tố theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xét thấy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

3. Xét về vai trò các bị cáo trong vụ án:

Trong vụ án này, Hội đồng xét xử nhận định bị cáo Nguyễn Phương H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 12 bị hại với tổng số tiền 2.060.000.000 (hai tỷ không trăm sáu mươi triệu đồng chẵn); bị cáo Hoàng Quỳnh Nh chiếm đoạt tài sản của bị hại Hoàng Thị T1 số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng chẵn); hành vi của các bị cáo là độc lập. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng

lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc xâm phạm tài sản thuộc sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật nhưng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân các bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây thiệt hại về kinh tế cho các bị hại, ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan Nhà nước, đồng thời hành vi đó gây mất an ninh trật tự xã hội tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo để đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

4. Xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo:

Qua xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do vậy khi quyết định hình phạt cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Phương H, số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại, bị cáo đã bồi thường cho bị hại Hoàng Thị T1 số tiền 50.000.000đ, do vậy cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Đối với bị cáo Hoàng Quỳnh Nh đã bồi thường toàn bộ số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) cho bị hại Hoàng Thị T1 và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do vậy cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Về tình tiết tăng nặng: Cả 02 bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng.

Hội đồng xét xử xét thấy, đối với bị cáo H tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại đến nay bị cáo chưa bồi thường, chỉ bồi thường số tiền 50.000.000đ cho bị hại T1, do vậy cần xử bị cáo mức án nghiêm khắc hơn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài. Đối với bị cáo Hoàng Quỳnh Nh, bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có khả năng tự cải tạo, do vậy xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội.

Tại phiên tòa, Luật sư đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Phương H mức án nhẹ hơn mức án Viện kiểm sát đề nghị. Xét mức án Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đề nghị xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Phương H đã dựa vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ cũng

như việc khắc phụ hậu quả để đưa ra đề nghị về xử phạt bị cáo mức hình phạt 19 - 20 năm tù là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Xét mức án đề nghị của Viện kiểm sát đối với bị cáo Nh là có căn cứ, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận, xử bị cáo 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng.

5. *Về trách nhiệm dân sự:* Buộc các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho những người bị hại. Cụ thể phải bồi thường cho từng người như sau: Buộc Nguyễn Phương H phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với tổng số tiền phải bồi thường là 2.060.000.000,0đ (hai tỉ không trăm sáu mươi triệu đồng). Cụ thể phải bồi thường cho những người bị hại sau:

- Bồi thường cho bà Lý Thị T (trú tại Tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) số tiền 185.000.000,0đ (một trăm tám mươi lăm triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Đoàn Thị H4 (trú tại: Tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) số tiền là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Lý Thị Ch (trú tại: Xóm P, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cao Bằng) số tiền là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Ngô Ngọc L (trú tại: tổ F, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) số tiền 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Trịnh Thị H5 (trú tại: tổ F1, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) số tiền 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Lý Thị A (trú tại: Xón V, xã Ph, huyện U, Cao Bằng) số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Lý Thị B (trú tại: Xóm Kh, xã L, huyện H, Cao Bằng) số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho ông Lô Quang Th1 (trú tại: Xóm L1, xã B1, huyện H, Cao Bằng) số tiền 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Hà Thị L1 (trú tại Xóm P1, xã Tr1, huyện H1, tỉnh Cao Bằng) số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Nông Thị Y (trú tại: tổ I, thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng) số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Hà Thị H6 (trú tại: Tổ I2, khu Q2, thị trấn N, huyện H, Cao Bằng) số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng).

- Trả lại cho Bà Hoàng Thị T1 (trú tại: Kh1, thị trấn T, huyện Ph, tỉnh Cao Bằng) số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

Xác nhận bị cáo Nguyễn Phương H đã bồi thường cho bà T1 số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Xác nhận bị cáo Hoàng Quỳnh Nh đã bồi thường cho bà Hoàng Thị T1 số tiền 50.000.000đ, tại biên bản trao trả tài sản ngày 13/11/2017 do cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng lập với số tiền 40.000.000đ và tại giấy biên nhận ngày 24/01/2018 với số tiền 10.000.000đ.

6. *Về vật chứng vụ án*: Không có.

7. *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, ngoài ra bị cáo H còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền phải bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Phương H, Hoàng Quỳnh Nh phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Phương H.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Hoàng Quỳnh Nh.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phương H - 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

Xử phạt bị cáo Hoàng Quỳnh Nh - 24 (hai mươi tư) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 31/01/2018. Giao bị cáo Hoàng Quỳnh Nh cho Ủy ban nhân dân phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 589; Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

Buộc Nguyễn Phương H phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm với tổng số tiền phải bồi thường là 2.060.000.000,0đ (hai tỉ không trăm sáu mươi triệu đồng). Cụ thể phải bồi thường cho những bị hại sau:

- Bồi thường cho bà Lý Thị T (trú tại Tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) số tiền 185.000.000,0đ (một trăm tám mươi lăm triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Đoàn Thị H4 (trú tại: Tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) số tiền là 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Lý Thị Ch (trú tại: Xóm P, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cao Bằng) số tiền là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Ngô Ngọc L (trú tại: tổ F, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) số tiền 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Trịnh Thị H5 (trú tại: tổ F1, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) số tiền 220.000.000đ (hai trăm hai mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Lý Thị A (trú tại: Xóm V, xã Ph, huyện U, Cao Bằng) số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Lý Thị B (trú tại: Xóm Kh, xã L, huyện H, tỉnh Cao Bằng) số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho ông Lô Quang Th1 (trú tại: Xóm L1, xã B1, huyện H, Cao Bằng) số tiền 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng).

- Bồi thường ch bà Hà Thị L1 (trú tại Xóm P1, xã Tr1, huyện H1, tỉnh Cao Bằng) số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Nông Thị Y (trú tại: Tổ I, thị trấn N, huyện H, Cao Bằng) số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Hà Thị H6 (trú tại: Tổ I2, khu Q2, thị trấn N, huyện H, Cao Bằng) số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng).

- Bồi thường cho Bà Hoàng Thị T1 (trú tại: Kh1, thị trấn T, huyện Ph, tỉnh Cao Bằng) số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

* Xác nhận bị cáo Nguyễn Phương H đã bồi thường cho bà Hoàng Thị T1 số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

* Xác nhận bị cáo Hoàng Quỳnh Nh đã bồi thường cho bà Hoàng Thị T1 (trú tại: Kh1, thị trấn T, huyện Ph, tỉnh Cao Bằng) số tiền 50.000.000đ, tại biên bản trao trả tài sản ngày 13/11/2017 do cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng lập với số tiền 40.000.000đ và tại giấy biên nhận ngày 24/01/2018 với số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng chẵn).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của người được thi hành án (gồm các bị hại) nếu bị cáo Nguyễn Phương H chưa bồi thường khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu tiền lãi của số tiền chưa bồi thường theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm bồi thường.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Phương H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000,0đ (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 73.200.000đ (bảy mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng). Tổng cộng hai khoản án phí bị cáo phải nộp là 73.400.000đ (bảy mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo Hoàng Quỳnh Nh phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo và bị hại; báo cho bị cáo và bị hại biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt các bị hại Đoàn Thị H4, Lý Thị A, Hà Thị H6, Hoàng Thị T1, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án/.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THA dân sự;
- Trại tạm giam CA Cao Bằng;
- Các bị cáo;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Biên Hòa